

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TC DNC
V/v kê khai tài sản, thu nhập
bổ sung và hàng năm của năm
2021.

Ninh Thuận, ngày tháng 11 năm 2021

Kính gửi:

- Hội đồng nhân dân các cấp;
- Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ban, ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Doanh nghiệp NN thuộc tỉnh;
- Các tổ chức Chính trị XH; các Hội đặc thù.

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Kế hoạch số 989/KH-UBND ngày 02/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu của năm 2020.

Căn cứ khoản 1, 2, 3 Điều 34 và khoản 2, khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 9, Điều 10 của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ quy định về đối tượng kê khai tài sản, thu nhập (bao gồm kê khai bổ sung và kê khai hàng năm), cụ thể như sau:

I. Đối tượng và phương thức kê khai:

1. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (tại Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

1. Cán bộ, công chức.
2. Sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp.
3. Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập bổ sung, hàng năm (tại khoản 2, khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018).

2. Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc

kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập, trừ trường hợp đã kê khai theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Kê khai hằng năm được thực hiện đối với những trường hợp sau đây:

a) Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12;

b) Người không thuộc quy định tại điểm a khoản này làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12.

3. Người có nghĩa vụ kê khai hằng năm (tại Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ).

“Người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng bao gồm:

1. Các ngạch công chức và chức danh sau đây:

- a) Chấp hành viên;*
- b) Điều tra viên;*
- c) Kế toán viên;*
- d) Kiểm lâm viên;*
- đ) Kiểm sát viên;*
- e) Kiểm soát viên ngân hàng;*
- g) Kiểm soát viên thị trường;*
- h) Kiểm toán viên;*
- i) Kiểm tra viên của Đảng;*
- k) Kiểm tra viên hải quan;*
- l) Kiểm tra viên thuế;*
- m) Thanh tra viên;*
- n) Thẩm phán.*

2. Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III được ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.”

4. Mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập (tại Điều 9 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ).

“1. Việc kê khai lần đầu, kê khai hằng năm và kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và Hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Việc kê khai bổ sung được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai bổ sung tại Phụ lục II được ban hành kèm theo Nghị định này.”

II. Từ các cơ sở trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh; các tổ chức Chính trị xã hội; các Hội đặc thù triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hàng năm của năm 2021 theo quy định.

2. Báo cáo kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập và nộp bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hàng năm của năm 2021 về Ủy ban nhân dân tỉnh theo biểu mẫu báo cáo gửi kèm theo, đúng thời gian quy định.

3. Thực hiện theo các nội dung hướng dẫn sau:

a) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập bổ sung thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Khoản 2 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

b) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hàng năm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

c) Mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

d) Đối với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước, các Hội đặc thù sau khi thực hiện kê khai theo quy định nêu trên, nộp bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung (bản gốc) và kèm báo cáo kết quả gửi về Thanh tra tỉnh.

đ) Đề nghị Hội đồng nhân dân các cấp (huyện, xã) sau khi thực hiện xong việc kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung của năm 2021, đề nghị tổng hợp lập danh sách kèm theo Bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung (bản gốc) gửi về Ủy ban nhân dân cùng cấp để tổng hợp báo cáo kết quả gửi về Thanh tra tỉnh theo quy định.

e) Đối với các chức danh tương đương Giám đốc các Sở trở lên (có hệ số phụ cấp chức vụ 0,9 trở lên) thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền, địa phương, sau khi thực hiện kê khai tài sản, thu nhập hàng năm, tổng hợp, lập danh sách, báo cáo kết quả kèm theo Bản kê khai tài sản, thu nhập hàng năm (bản gốc) của đơn vị mình, gửi về Thanh tra tỉnh để tổng hợp gửi Thanh tra Chính phủ.

g) Do Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan tổng hợp chung về kê khai tài sản, thu nhập trên địa bàn. Đề nghị các cơ quan, ban, ngành của Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội gửi bảng tổng hợp, báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hàng năm về Thanh tra tỉnh (**không nộp bản kê khai**) để Thanh tra tỉnh tổng hợp chung kết quả kê khai trong toàn tỉnh.

h) Thời gian:

- Việc kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hàng năm thực hiện phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Thời gian báo cáo và nộp bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hàng năm của năm 2021 về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Thanh tra tỉnh) **chậm nhất là ngày 31/12/2021**.

5. Giao Thanh tra tỉnh có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập theo thẩm quyền trong phạm vi quản lý của tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập bổ sung của năm 2021 trên địa bàn tỉnh gửi về Thanh tra Chính phủ đúng thời gian quy định.

(gửi kèm theo mẫu báo cáo kết quả, 01 mẫu kê khai hàng năm, 01 mẫu kê khai bổ sung, 01 hướng dẫn kê khai tài sản thu, nhập)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- VPUB: LĐ, KTTH, VXNV;
- Lưu: VT, TCDNC. NTTTT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Biên